

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HNGĐ -ST

Ngày: 04- 9- 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Viết Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Lê Văn Tú.

2, Bà Nguyễn Thị Thịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Tuyết – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Đức A** sinh năm 1989.

- *Bị đơn :* Chị **Mai Thị L**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Số nhà 20, ngõ 154, phố C, phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Anh Lê Đức A và chị Mai Thị L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa anh Lê Đức A trình bày: Anh và chị Mai Thị L kết hôn vào ngày 06/12/2013 việc kết hôn là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ anh tại số nhà 198, phố C, phường K, thành phố Ninh Bình. Đến tháng 8/2018 vợ chồng ra ở riêng tại số nhà

20, ngõ 154, phố C, phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình gần nhà bố mẹ đẻ anh Lê Đức A. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi, đánh nhau không giải quyết được, tháng 6 năm 2018 do vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau chị L bỏ về nhà mẹ đẻ thành phố Tam Điệp sinh sống 2 tháng sau đó vợ chồng quay về sống chung với nhau tại phố C, phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, đến đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng càng tăng cãi nhau vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa, sống không có hạnh phúc. Do vậy anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị L để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là cháu Lê Nhật T1 sinh ngày 29/06/2014. Nay ly hôn nguyện vọng của anh là muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị L trình bày: Về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh Đức A trình bày là đúng. Nay anh Lê Đức A làm đơn xin ly hôn chị, bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị và anh Lê Đức A không còn yêu thương nhau nữa nên chị nhất trí ly hôn với anh Lê Đức A.

Về con chung: Chị và anh Lê Đức A có một con chung như anh Đức A trình bày, nay vợ chồng ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nhật T1 chị không yêu cầu anh Đức A cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đức A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì chị không từ chối.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị và anh Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147- BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Đức A về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Mai Thị L.

1, Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức A với chị Mai Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhật T1, sinh ngày 29/6/2014 cho chị Mai Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đức A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Đức A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn: Chị Mai Thị L đang cư trú tại: Phố C, phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Theo các Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về áp dụng luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Đức A và chị Mai Thị L trình bày: Anh, chị đăng ký kết hôn ngày 06/12/2013 tại UBND phường K, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, việc kết hôn là tự nguyện, như vậy hôn nhân giữa anh Lê Đức A và chị Mai Thị L là hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2018 đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi ,đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Đức A và chị Mai Thị L thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cả hai đều có nguyện vọng ly hôn xét nên chấp nhận là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Đức A và chị Mai Thị L có một con chung là cháu Lê Nhật T1 sinh ngày 29/06/2014. Cả hai đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Anh Đức A và chị L đều chưa có nhà riêng hiện nay đang ở nhờ bố, mẹ anh Đức A. Anh Đức A và chị L đều có việc làm ổn định, thu nhập bảo đảm được cuộc sống của con, song cháu T1 còn nhỏ cần có sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục của mẹ. Xét nên giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nhật T1 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Đức A trình bày nếu chị L nuôi cháu T1 thì mỗi tháng anh cấp dưỡng nuôi cháu T1 2.000.000 đồng. Việc anh Đức A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Đức A và chị Mai Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đức A phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 6 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Đức A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với chị Mai Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức A với chị Mai Thị L.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nhật T1 sinh ngày 29/06/2014 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đức A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Mai Thị L theo định kỳ mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Lê Đức A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Đức A và chị Mai Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

- Án phí hôn nhân gia đình: Anh Lê Đức A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ anh Lê Đức A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2018/ 0001135 ngày 23/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Lê Đức A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai anh Anh và chị L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 04 tháng 9 năm 2019;

Tlhợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- UBND phường K, TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Phạm Việt Hoàng